



lǜ sè
绿色

Noun, Adjective · green

Example Sentences

tā xǐ huan chuān lǜ sè de yī fu
她喜欢穿绿色的衣服。

She likes to wear green clothes.

qiáng shàng pá mǎn le lǜ sè de téng wàn
墙上爬满了绿色的藤蔓。

The wall is covered with green vines.

chí táng lǐ yǒu zhī lǜ sè de qīng wā
池塘里有只绿色的青蛙。

There is a green frog in the pond

Trace each character, then write the word on your own.

绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿
绿	绿	绿								
色	色	色	色	色	色	色	色	色		